

Bản án số: 01/2025/HS-ST
Ngày 02-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Bá Lý

Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đại Bình - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 230/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 102/2024/HSST-QĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Tấn N**; sinh ngày 22 tháng 02 năm 1995, tại B. Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tấn T, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo Lê Tấn N bị tạm giữ từ ngày 11-8-2024 đến ngày 20-8-2024, sau đó bị tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. **Có mặt.**

- Bị hại: Ông Phạm Đình K1, sinh năm 1985; địa chỉ: Làng Doạch, xã Ia Vê, huyện P, tỉnh Gia Lai. **Vắng mặt.**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Phan Văn P1, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 178 đường L, Làng M, phường F, thành phố P, tỉnh Gia Lai. **Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của bị cáo

Qua tìm hiểu thông tin trên mạng xã hội Facebook, ngày 09-8-2024, Lê Tấn N đi từ nhà tại Tổ dân phố 10, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai đến tiệm sơn xe P1, ở số 178 đường L, làng M, phường F, thành phố P, tỉnh Gia Lai, do anh Phan Văn P1 (sinh năm 1989) làm chủ để xin làm thuê, thì được anh P1 đồng ý nhận vào làm và cho ở tại tầng trệt của tiệm.

Sáng ngày 11-8-2024, N ngủ dậy phát hiện trong tiệm có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng, biển kiểm soát 81B1-991.94 của anh Phạm Đình K1 (sinh năm 1985; trú làng Doăch, xã Ia Vê, huyện R, tỉnh Gia Lai) gửi lại tiệm để sơn tút từ ngày 10-8-2024, trên xe có cắm sẵn chìa khóa và có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy để trong cốp xe. Lúc này, anh P1 chưa ngủ dậy và tiệm không có người trông coi, nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô trên mục đích bán lấy tiền tiêu xài. Vào lúc 05 giờ 57 phút ngày 11-8-2024, N lấy chìa khóa mở cửa tiệm, dắt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81B1-991.94 ra ngoài rồi điều khiển lưu thông trên đường L, hướng đi huyện Đ1, tỉnh Gia Lai để tẩu thoát.

Đến khoảng 11 giờ ngày 11-8-2024, N đến tiệm sửa xe Hiếu Hiền, địa chỉ tại thôn Cầu Vàng, xã Kdang, huyện Đ1, tỉnh Gia Lai, do anh Vũ Văn H (sinh năm 1994) làm chủ, để hỏi bán xe. Quá trình thỏa thuận mua bán, anh H hỏi N về giấy tờ tùy thân và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy thì N nói không có giấy tờ tùy thân, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy không chính chủ; anh H nghi ngờ nên trình báo Công an xã Kdang, huyện Đ1, tỉnh Gia Lai. Công an xã Kdang đến đưa N về trụ sở làm việc. Tại đây, N khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên và giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng, biển kiểm soát 81B1-991.94. Sau đó, Công an xã Kdang, huyện Đ1, tỉnh Gia Lai bàn giao cho Công an phường F, thành phố P, tỉnh Gia Lai giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng, biển kiểm soát 81B1-991.94, sau khi định giá và xác minh nguồn gốc, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Phạm Đình K1.

b) Về các vấn đề khác của vụ án

Tại bản kết luận giám định số 140/KL-HĐĐGTS ngày 16-8-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Pleiku, đã kết luận: 01 xe mô tô biển số 81B1-991.94, nhãn hiệu Hon da Vision, đăng ký lần đầu ngày 23-11-2016, dung tích 108 (xe đã qua sử dụng), bị chiếm đoạt ngày 11-8-2024, đã thu hồi được có giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng). Qua định giá, xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng, biển kiểm soát 81B1-991.94 của anh Phạm Đình K1 bị N chiếm đoạt ngày 11-8-2024 có trị giá 12.000.000 đồng.

Về dân sự: Anh Phạm Đình K1 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và anh Phan Văn P1 không bị thiệt hại gì về tài sản nên cả hai anh K1 và anh P1 không có yêu cầu gì về dân sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản số 140/KL-HĐĐGTS ngày 16-8-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

c) Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát

Bản cáo trạng số 242/CT-VKS ngày 05-11-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Lê Tấn N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và không có ý kiến về nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố. Đồng thời cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Lê Tấn N và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Tấn N phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Về hình phạt:

a. Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Tấn N mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

b. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Không

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phạm Đình K1 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì về dân sự, nên không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự: Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến kiến tranh luận đối với luận tội, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thấy hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về gia đình hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nhưng trước đó đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa bị cáo Lê Tấn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong điều tra; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có tại hồ sơ nên có cơ sở xác định: Vào lúc 05 giờ 57 phút ngày 11-8-2024, tại tiệm sơn xe Pháp ở số 178 đường L, Làng M, phường F, thành phố P, tỉnh Gia Lai Lê Tấn N lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của anh Phan Văn P1 trong việc trông coi, quản lý tài sản đã thực hiện hành vi lén lút, chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng, biển kiểm soát 81B1-991.94 trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 12.000.000 đồng.

[3] Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có tổng trị giá 12.000.000 đồng do bị cáo Lê Tấn N thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã truy tố là có căn cứ.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác không được xâm phạm. Bị cáo là người có sử dụng ma túy, để có tiền phục vụ cho nhu cầu cá nhân không cần công sức lao động bị cáo đã bất chấp pháp luật, lợi dụng sự sơ hở của người trông coi, quản lý tài sản đã thực hiện hành vi lén lút, chiếm đoạt tài sản của người khác, với trị giá tài sản chiếm đoạt được là 12.000.000 đồng. Tuy bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng xét thấy tội phạm này ngày gia tăng, gây mất an ninh trật tự, xã hội nên cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai là phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy theo lời khai tại phiên tòa và các tài liệu có tại hồ sơ thể hiện bị cáo không có tài sản riêng, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản mà bị cáo Lê Tấn N chiếm đoạt là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng, biển kiểm soát 81B1-991.94 đã thu hồi được. Qua xác minh nguồn gốc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Phạm Đình K1, sau khi nhận lại tài sản anh Phạm Đình K1 không có yêu cầu gì về dân sự đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý

kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Tấn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Tấn N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 11 tháng 8 năm 2024).

2. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Tấn N phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP. Pleiku;
- Công an TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP. Pleiku;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Phan Công Tồn